

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
 Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
 Số trẻ: 34

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Phở gà, cà rốt, xà lách búp, hoa hời, hạt cà ri, ngô gai
 - Uống sữa Netsure
 Trưa: Com trắng
 - Cá cờ chiên sốt chanh dây, hành baro
 - Canh bí đỏ nấu tôm tươi, đậu phộng, hành ngò
 Xế: Bánh Flan
 Xế chiều: Cháo nghêu, đậu xanh, nấm rom, mướp, rau ngót, hành phi

| Stt | Mã hàng | Tên thực phẩm | Khối lượng thực (g) | Đơn giá (đồng/100g) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---------|-------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|
| | * CHỢ | | | | |
| 1 | N7352 | Dầu ăn Tường An 400ml | 400 | 7,850 | 31,400 |
| 2 | 0494 | Đường cát | 200 | 3,880 | 7,760 |
| 3 | N0966 | Muối Iot | 200 | 740 | 1,480 |
| 4 | N7353 | Nước mắm Nam Ngư 500 ml | 200 | 9,900 | 19,800 |
| 5 | 0004 | Gạo tẻ máy | 2,000 | 2,560 | 51,200 |
| 6 | 0120 | Hành lá (hành hoa) | 100 | 5,360 | 5,360 |
| 7 | 0164 | Rau mùi (ngò rí) | 50 | 8,820 | 4,410 |
| 8 | 0119 | Hành tím (hành củ tươi) | 50 | 6,300 | 3,150 |
| 9 | 0185 | Tỏi ta | 50 | 7,560 | 3,780 |
| 10 | N0861 | Dầu màu điều | 10 | 44,440 | 4,444 |
| 11 | 0739 | Quế | 10 | 63,800 | 6,380 |
| 12 | 0645 | Bánh phở khô | 500 | 8,910 | 44,550 |
| 13 | 0089 | Cà rốt | 200 | 5,570 | 11,140 |
| 14 | 0165 | Rau mùi tàu (ngô gai) | 50 | 6,620 | 3,310 |
| 15 | 0172 | Rau xà lách | 100 | 6,090 | 6,090 |
| 16 | N0772 | Thịt ức gà | 500 | 13,020 | 65,100 |
| 17 | 0662 | Chanh dây | 400 | 6,300 | 25,200 |
| 18 | 0186 | Tỏi tây (cá lá) | 100 | 8,720 | 8,720 |
| 19 | 0654 | Phi lê cá cờ | 1,400 | 23,100 | 323,400 |
| 20 | 0424 | Tôm sú | 500 | 32,550 | 162,750 |
| 21 | 0066 | Lạc hạt (Đậu phộng hạt) | 100 | 8,090 | 8,090 |
| 22 | 0085 | Bí đỏ (bí ngô) | 1,000 | 3,990 | 39,900 |
| 23 | 0002 | Gạo nếp (loại thường) | 300 | 3,050 | 9,150 |
| 24 | 0059 | Đậu xanh | 100 | 7,350 | 7,350 |
| 25 | 0136 | Mướp | 300 | 4,200 | 12,600 |

| | | | | | |
|-----------|-------|---------------------------|--------|--------|-----------|
| 26 | 0211 | Nấm rom | 100 | 14,180 | 14,180 |
| 27 | 0168 | Rau ngót | 100 | 5,570 | 5,570 |
| 28 | 0439 | Nghêu biển trắng (ngao) | 1,000 | 7,140 | 71,400 |
| 29 | N0925 | Bánh Flan caramel cao cấp | 1,088 | 14,750 | 160,480 |
| 30 | 0457 | Sữa bột toàn phần | 682.23 | 20,500 | 139,857 |
| Tổng cộng | | | | | 1,258,001 |

| | |
|--------------------------------|------------|
| Tổng tiền thực phẩm | 1,258,001 |
| Tổng chi phí khác | 0 |
| Tiền được chi trong ngày | 1,258,001 |
| Số dư đầu ngày | 1 |
| Số dư cuối ngày | 0 |
| Suất ăn lũy kế từ đầu tháng | 0 |
| Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng | 14,911,000 |
| Tiền chi lũy kế từ đầu tháng | 14,911,000 |

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan